

# Phát triển hệ thống thanh toán qua ngân hàng ở Việt Nam- Thực trạng và giải pháp

Lê Văn Hải

Ngày nhận: 26/11/2018

Ngày nhận bản sửa: 11/12/2018

Ngày duyệt đăng: 26/12/2018

*Bài viết tập trung phân tích, đánh giá, làm rõ thực trạng quá trình hình thành, phát triển và hoạt động của các hệ thống thanh toán qua ngân hàng ở Việt Nam trong những năm qua, bao gồm: sự tham gia của các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt qua ngân hàng; thực trạng kết quả hoạt động của các hệ thống thanh toán qua ngân hàng; kết quả hoạt động thanh toán trong nền kinh tế trong các năm 2014- 2017 và những hạn chế. Bài viết đưa ra khuyến nghị 3 nhóm giải pháp: Đối với Chính phủ và các Bộ Ngành có liên quan; đối với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN); đối với các ngân hàng thương mại (NHTM) và tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán, nhằm tiếp tục phát triển thanh toán không dùng tiền mặt trong thời gian tới.*

*Từ khóa: phát triển hệ thống, thanh toán qua ngân hàng, thực trạng và giải pháp*

## 1. Các hệ thống thanh toán qua ngân hàng ở Việt Nam

### 1.1. Các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt qua ngân hàng

**N**gân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) vừa là tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán vừa là cơ quan quản lý Nhà nước

về hoạt động thanh toán. Các NHTM, tổ chức tín dụng (TCTD) phi NH hay các tổ chức khác không phải là TCTD được NHNN cho phép thực hiện công tác thanh toán. Các NHTM và các tổ chức này hoạt động theo luật pháp dưới sự chỉ đạo và quản lý của NHNN. Đến nay, hoạt động thanh toán tiếp tục có nhiều chuyển biến tích cực; cơ sở hạ tầng thanh toán được cải thiện, nâng cấp; các dịch vụ và

phương tiện thanh toán mới, hiện đại được nghiên cứu, ứng dụng trong thực tế. Đến 31/12/2017, hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng (IBPS) có 98 thành viên, 211 đơn vị thành viên (chưa bao gồm NHNN), trong đó có 62 thành viên và 208 đơn vị thành viên tham gia Tiểu hệ thống giá trị thấp (LV). Đến cuối tháng 6/2018, hệ thống IBPS có 97 thành viên và 216 đơn vị thành viên (chưa bao gồm

NHNN), trong đó có 64 thành viên và 209 đơn vị thành viên tham gia LV. Hệ thống IBPS hoạt động ổn định, an toàn, phát huy hiệu quả, đáp ứng tốt nhu cầu thanh toán liên NH trong toàn quốc, giữ vai trò là hệ thống thanh toán xương sống của quốc gia, góp phần đẩy nhanh tốc độ thanh toán và phát triển thanh toán không dùng tiền mặt (TTKDTM). Hệ thống thanh toán nội bộ của các NHTM tiếp tục được quan tâm, chú trọng đầu tư, cập nhật và phát triển, với kỹ thuật, công nghệ tiên tiến, quản lý tập trung, cho phép các NHTM cung ứng các dịch vụ, phương tiện thanh toán (PTTT) hiện đại trên nền tảng Internet, Mobile với phạm vi cung ứng trên toàn quốc. Việc triển khai các dịch vụ thanh toán điện tử qua Internet và điện thoại di động đã đạt được những kết quả đáng ghi nhận, thu hút số lượng khách hàng sử dụng dịch vụ khá lớn cũng như số lượng và giá trị giao dịch tăng cao, một số NHTM đạt tốc độ tăng trên 100%/năm. Hiện nay có khoảng 70 tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán triển khai dịch vụ thanh toán qua Internet và trên 35 tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán qua điện thoại di động. Trong năm 2017, số lượng giao dịch thanh toán qua Internet đạt hơn 125 triệu giao dịch với giá trị đạt trên 7,2 triệu tỷ đồng; số lượng giao dịch qua điện thoại di động đạt trên 97 triệu giao dịch với giá trị đạt trên 303 nghìn tỷ đồng (NHNN, 2018). Đến nay, NHNN đã cho phép

24 tổ chức không phải là NH thực hiện cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán (TGTT) nhằm phục vụ các giao dịch thanh toán bán lẻ, giá trị thấp, như: thanh toán cho các giao dịch mua bán trên các website thương mại điện tử, thanh toán trực tuyến bằng điện thoại di động, thanh toán hóa đơn, tiền mua hàng... Hiện nay cũng đã có hơn 40 NHTM tham gia hợp tác với các tổ chức cung ứng dịch vụ TGTT đã được NHNN cấp phép để triển khai dịch vụ. Các đơn vị cung ứng dịch vụ TGTT cũng cung cấp một hệ thống hạ tầng công nghệ tiên tiến hỗ trợ cho hoạt động thanh toán. Để đảm bảo an toàn trong thanh toán thẻ, NHNN chỉ đạo các NHTM triển khai thí điểm Bộ tiêu chuẩn thẻ chip nội địa; triển khai tiêu chuẩn quốc tế về an toàn dữ liệu thẻ PCI/DSS<sup>1</sup>; công nghệ số hoá thẻ Tokenization<sup>2</sup> (NHNN, 2018).

<sup>1</sup> Payment Card Industry Data Security Standard (PCI/DSS) là một tiêu chuẩn an ninh thông tin bắt buộc dành cho các doanh nghiệp lưu trữ, truyền tải và xử lý thẻ thanh toán quản lý bởi 05 tổ chức thanh toán quốc tế như Visa, MasterCard, American Express, Discover và JCB.

<sup>2</sup> Tokenization là phương thức bảo vệ các dữ liệu nhạy cảm bằng cách thay thế nó với chuỗi số được mã hóa bằng thuật toán không thể đảo ngược. Khi người dùng đăng ký thẻ thanh toán (thẻ tín dụng hoặc thẻ ghi nợ) lên điện thoại, hệ thống TSP (Token Service Provider) của Tổ chức chuyển mạch thẻ sẽ cung cấp một mã token duy nhất ứng với dữ liệu của thẻ mà người dùng đã đăng ký vào ứng dụng và mã token này sẽ được lưu trên điện thoại thay cho dữ liệu thẻ.

## 1.2. Thực trạng hoạt động của các hệ thống thanh toán qua ngân hàng

Trong những năm qua, Việt Nam đã đạt nhiều tiến bộ trong quá trình hiện đại hóa hệ thống thanh toán cũng như hoàn thiện khuôn khổ pháp lý trong lĩnh vực thanh toán, qua đó vai trò của NHNN trong quản lý, vận hành và giám sát hệ thống thanh toán quốc gia<sup>3</sup> ngày càng được nâng cao. Hiện nay, các giao dịch TTKDTM qua NH chủ yếu được xử lý qua các hệ thống thanh toán: i) Các hệ thống thanh toán do NHNN tổ chức và quản lý (Hệ thống thanh toán bù trừ điện tử/ giấy; Hệ thống IBPS); ii) Các hệ thống chuyển mạch và thanh toán bù trừ thẻ; iii) Các hệ thống thanh toán bù trừ và quyết toán chứng khoán; iv) Các hệ thống thanh toán nội bộ, thanh toán song phương do một số TCTD tổ chức, vận hành và quản lý.

Riêng đối với các giao dịch thanh toán quốc tế được chủ yếu xử lý qua Dịch vụ chuyển tiền quốc tế qua hệ thống SWIFT và Dịch vụ chuyển tiền Western Union do các TCTD trong nước trực tiếp thỏa thuận, ký kết tham gia, hợp tác với các tổ chức quốc tế. Bên cạnh đó, từ năm 2007, NHNN cũng chấp thuận, chỉ định Vietcombank hoạt động với tư cách là NH thanh toán bù trừ nội địa các giao dịch

<sup>3</sup> Hệ thống thanh toán quốc gia là hệ thống thanh toán liên NH do NHNN tổ chức, quản lý, vận hành theo Khoản 9, Điều 6, Luật NHNN năm 2010.

thẻ Visa của các thành viên trong nước qua tài khoản của các NHTM thành viên mở tại Vietcombank, làm đầu mối thanh toán đối với các giao dịch thẻ Visa thực hiện trong nước. BIDV cũng được chính thức triển khai dịch vụ đại lý quyết toán các giao dịch nội địa thẻ Master Card để thực hiện thanh toán bù trừ và quyết toán các giao dịch nội địa đối với thẻ Master Card. Hiện nay các hệ thống thanh toán do NHNN tổ chức và quản lý đang hoạt động ổn định, an toàn, phát huy hiệu quả, phục vụ tốt trong nền kinh tế, góp phần đẩy nhanh tốc độ thanh toán và phát triển TTKDTM. Cụ thể về tình hình hoạt động của từng hệ thống thanh toán được trình bày ở các nội dung dưới đây.

*Hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng*

Hệ thống IBPS là hệ thống thanh toán điện tử trực tuyến, hiện đại, được xây dựng theo tiêu chuẩn quốc tế và được đánh giá là kênh thanh toán nhanh nhất tại Việt Nam hiện nay với thời gian thực hiện một lệnh thanh toán chỉ diễn ra không quá 10 giây. Năm 2002, với sự hỗ trợ của Ngân hàng Thế giới (WB), hệ thống đã khai trương và đi hoạt động tại Trụ sở chính NHNN và chi nhánh của NHNN tại địa bàn 5 trung tâm chính (Hà Nội, Hải Phòng, Đà Nẵng, thành phố Hồ Chí Minh và Cần Thơ). Năm 2008, NHNN đã hoàn tất giai đoạn 2 của Dự án Hiện đại hóa NH và Hệ thống thanh toán, nâng cao

khả năng xử lý và mở rộng phạm vi hoạt động của Hệ thống IBPS ra toàn quốc. Việc hoàn thành và đưa vào vận hành Hệ thống IBPS giai đoạn 2 đánh dấu bước phát triển mới của hệ thống thanh toán NH với những thay đổi cơ bản về kỹ thuật, công nghệ tiên tiến, hiệu năng xử lý và quy trình nghiệp vụ hiện đại theo thông lệ quốc tế, đáp ứng nhu cầu thanh quyết toán tức thời và số lượng giao dịch thanh toán ngày càng cao của nền kinh tế. Đến nay, IBPS của NHNN đã cơ bản đáp ứng nhu cầu thanh toán của hệ thống các TCTD về tốc độ và dung lượng xử lý giao dịch, độ an toàn và bảo mật, là cơ sở để các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán phát triển các phương tiện, dịch vụ thanh toán cho khách hàng, mở rộng TTKDTM. Mạng lưới hoạt động của IBPS gồm 1 Trung tâm Thanh toán Quốc gia (NPSC) tại Hà Nội và 6 Trung tâm xử lý khu vực (RPC) tại các tỉnh, thành phố lớn: Hà Nội, Hải Phòng, Đà Nẵng, thành phố Hồ Chí Minh, Cần Thơ và Sở Giao dịch NHNN. Hệ thống IBPS gồm 3 tiểu hệ

thống:

- Tiểu hệ thống thanh toán giá trị cao (HV) thực hiện các khoản thanh toán giá trị cao từ 500 triệu đồng trở lên và các khoản thanh toán khẩn trên nền tảng thanh toán tổng tức thời.
  - Tiểu hệ thống thanh toán giá trị thấp (LV) thực hiện quyết toán rỗng theo phiên để xử lý bù trừ các khoản thanh toán giá trị thấp dưới 500 triệu đồng, không đòi hỏi cấp thiết về thời gian xử lý giao dịch. Hệ thống LV hoạt động cùng thời gian biểu hoạt động chung của hệ thống IBPS, nhưng kết thúc ngày làm việc sớm hơn với thời điểm ngừng gửi lệnh là 16h00 hàng ngày, sớm hơn 1 giờ so với thời điểm ngừng gửi lệnh của hệ thống HV.
  - Tiểu hệ thống xử lý tài khoản tiền gửi thanh toán (Tiểu hệ thống xử lý quyết toán vốn).
- Thành viên tham gia IBPS phải là tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán và phải tuân thủ các điều kiện theo quy định hiện hành. Các thành viên đóng phí tham dự hệ thống để bù đắp một phần chi phí

**Bảng 1. Số lượng giao dịch của hệ thống thanh toán quốc gia giai đoạn 2014- 2017**

Năm	Số lượng giao dịch (món thanh toán)			Tăng/ giảm (%)
	Tiểu hệ thống giá trị cao (HV)	Tiểu hệ thống giá trị thấp (LV)	Tổng cộng	
<b>2014</b>	9.047.400	38.665.931	<b>47.713.331</b>	
<b>2015</b>	12.214.400	49.530.710	<b>61.745.110</b>	15,40
<b>2016</b>	14.095.971	66.596.311	<b>80.692.282</b>	21,61
<b>2017</b>	17.141.672	83.924.436	<b>101.066.108</b>	35,00

*Nguồn: NHNN*

do NHNN thực hiện dịch vụ thanh toán cho các TCTD như một hình thức dịch vụ công. Trong năm 2017, tổng giá trị giao dịch qua Hệ thống IBPS đã đạt 66.888.425 tỷ đồng với 101.066.108 món, tăng 44,6% về giá trị, 111,8% về số lượng giao dịch so với năm 2014. Số liệu Bảng 1 cho thấy, chỉ trong vòng 4 năm, tổng số lượng các giao dịch thanh toán của hệ thống quốc gia đã tăng gấp hơn 2 lần, với tốc độ tăng bình quân tới trên 25%/năm. Điều đó cho thấy những nỗ lực của hệ thống NH Việt Nam, đồng thời cũng cho thấy nhu cầu thanh toán qua NH của các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp trong nền kinh tế là rất lớn.

- Tiểu hệ thống LV đã đưa vào hoạt động từ tháng 11/2003, thời gian đầu có 13 NH đủ điều kiện tham gia với lượng giao dịch bình quân tính đến hết tháng 3/2008 đạt khoảng 2.500- 3.000 giao dịch/ngày, chỉ chiếm khoảng 13% lượng giao dịch/ngày. Tính đến cuối năm 2017, giá trị giao dịch của LV là 2.998.887 tỷ đồng với 83.924.887 giao dịch, tăng

123% về giá trị, 117% về số lượng giao dịch so với năm 2014.

- Tiểu hệ thống HV: Tính đến cuối năm 2017, giá trị giao dịch của HV là 63.889.538 tỷ đồng với 17.141.672 giao dịch, tăng 42,2% về giá trị, 89,5% về số lượng giao dịch so với năm 2014.

Hệ thống thanh toán bù trừ điện tử và bù trừ giấy Các hệ thống thanh toán bù trừ (TTBT) điện tử, TTBT giấy của NHNN được xây dựng từ trước khi Hệ thống IBPS được triển khai và chủ yếu nhằm phục vụ nhu cầu thanh toán giá trị thấp trên địa bàn 63 tỉnh, thành phố. Các TCTD trên địa bàn là thành viên mở tài khoản TTBT tại các chi nhánh đó. TTBT liên NH được áp dụng giữa các TCTD khác hệ thống, trên cùng một địa bàn tỉnh, thành phố gọi là TTBT nội tỉnh. TTBT liên hàng có 2 hình thức: TTBT giấy và TTBT điện tử. Hệ thống TTBT giấy được triển khai từ trước khi IBPS ra đời. Trong một thời gian dài, TTBT giấy cùng tồn tại song song với TTBT

điện tử. Với sự hỗ trợ của công nghệ tin học, hệ thống TTBT giấy đã dần được thay thế bằng TTBT điện tử và đến 12/5/2014, địa bàn TTBT giấy cuối cùng là Cần Thơ đã ngừng hoạt động. Từ khi triển khai đến nay, hệ thống luôn hoạt động tốt, ổn định, an toàn và hiệu quả; tiết kiệm chi phí, thời gian và nhân công lao động trực tiếp; góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng vốn. Hầu hết các thành viên đều tuân thủ quy trình và luôn đảm bảo khả năng thanh toán. Nhìn chung, số lượng và giá trị giao dịch thông qua hệ thống TTBT điện tử đang có xu hướng giảm dần do có sự mở rộng của hệ thống IBPS trên toàn quốc. Năm 2017 TTBT chỉ còn 2.194.069 món, thanh toán từng lần qua tài khoản là 605.643 món và 3.704.502 tỷ đồng. Từ tháng 9/2017 hầu hết hệ thống TTBT trừ tại các chi nhánh NHNN đã chấm dứt trên toàn hệ thống.

Hệ thống thanh toán do các ngân hàng thương mại chủ trì và vận hành

*Hệ thống xử lý thanh toán đa tệ tại Vietcombank (VCB-Money)*

Hệ thống VCB-Money do Vietcombank tổ chức, vận hành là hệ thống thanh toán điện tử VND, ngoại tệ, thực hiện các giao dịch thanh toán điện tử thông qua kết nối Internet. Hệ thống VCB-Money đóng vai trò chủ đạo trong toàn bộ hệ thống thanh toán của Vietcombank, dành cho đối tượng khách hàng là các định chế tài chính hoặc

**Bảng 2. Giá trị giao dịch của hệ thống thanh toán quốc gia các năm 2014- 2017**

*Đơn vị tính: Tỷ đồng*

Năm	Giá trị giao dịch (Tỷ đồng)			Tăng, giảm (%)
	Tiểu hệ thống giá trị cao (HV)	Tiểu hệ thống giá trị thấp (LV)	Tổng cộng	
2014	44.919.250	1.343.331	<b>46.262.581</b>	
2015	47.412.740	1.967.749	<b>49.380.489</b>	5,55
2016	41.727.719	2.389.493	<b>44.117.212</b>	-11,99
2017	63.889.538	2.998.887	<b>66.888.425</b>	53,11

*Nguồn: NHNN.*

tổ chức kinh tế để thực hiện các giao dịch mua bán ngoại tệ liên NH trong nước. Hầu hết các TCTD trong nước và nhiều chi nhánh NH nước ngoài hoạt động tại Việt Nam mở và duy trì tài khoản ngoại tệ tại Vietcombank. Khi một TCTD là thành viên IBPS mua/bán ngoại tệ, hệ thống này sẽ điều chuyển vốn từ tài khoản ngoại tệ của các TCTD mở tại Vietcombank và nhận, gửi tiền đồng từ tài khoản quyết toán của TCTD trên hệ thống IBPS. Hệ thống VCB-Money có đặc điểm của một hệ thống TTLNH đa phương, đa tệ. Dịch vụ chính của Hệ thống VCB-Money gồm: Chuyển tiền, Ủy nhiệm chi; Mua/bán ngoại tệ; Dịch vụ trả lương nhân viên và các dịch vụ thanh toán khác.

#### *Các hệ thống thanh toán song phương*

Vietcombank, Vietinbank, BIDV, Agribank cũng tự xây dựng và triển khai hệ thống TTLNH song phương điện tử để thực hiện chuyển, nhận và quyết toán trên cơ sở bù trừ song phương các món thanh toán không cấp thiết về thời gian, giá trị thấp với nhau và với các NHTM là thành viên của các NH chủ trì này. Hiện nay, ngoài việc tham gia các hệ thống thanh toán do NHNN quản lý và vận hành, đa số các TCTD đều tham gia, thiết lập kênh thanh toán điện tử song phương với một hay một số NHTM quy mô lớn, có đầu tư và phát triển mạnh về cơ sở hạ tầng phục vụ cho hoạt động thanh toán

như: Vietcombank (hệ thống VCB-Money), Vietinbank (hệ thống INCAS), BIDV (hệ thống BIDV Homebanking), Agribank (hệ thống VBA). Vietinbank, BIDV, Agribank trực tiếp kết nối với nhau hình thành một mạng lưới kết nối thanh toán song phương bên cạnh hệ thống VCB-Money của Vietcombank.

Trong thời gian qua thanh toán điện tử song phương đã đạt kết quả: tốc độ thanh toán được xử lý nhanh chóng; không bị hạn chế về thời gian, địa bàn thanh toán; tiết giảm chi phí thanh toán. Theo đó, đây là một kênh thanh toán được hầu hết các TCTD lựa chọn, chủ yếu là sau thời điểm đóng cổng thanh toán của hệ thống thanh toán do NHNN vận hành, chủ trì. Trong đó, đáng chú ý là Hệ thống VCB-Money của Vietcombank hiện nay còn cho phép thực hiện các giao dịch thanh toán bằng ngoại tệ (trong khi NHNN chưa có hệ thống thanh toán ngoại tệ). Bình quân ngày, hệ thống VCB-Money xử lý khoảng 4.000 giao dịch với giá trị thanh toán đạt gần 50 tỷ USD/năm. Tuy nhiên, cũng theo đánh giá của các TCTD thì để tham gia hệ thống thanh toán này, các TCTD bị phân tán nguồn vốn do phải mở tài khoản lẫn nhau. Hiện nay, các hệ thống thanh toán điện tử song phương đều do TCTD tự xây dựng, triển khai, chưa có sự theo dõi, giám sát của NHNN nên chưa có thông tin để đánh giá về sự phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành hay tính an toàn, hiệu

quả của các hệ thống này. Hệ thống chuyển mạch, thanh toán bù trừ và quyết toán thẻ liên ngân hàng

Bên cạnh phương tiện thanh toán tiền mặt; các phương tiện TTKDTM thường được sử dụng như Séc, Ủy nhiệm thu, Ủy nhiệm chi, thẻ thanh toán và ví điện tử (E-wallet); các kênh thanh toán trong từng hệ thống NHTM; kênh thanh toán song phương; kênh chuyển tiền qua các Đại lý chuyển tiền ở Việt Nam của các tổ chức chuyển tiền. Hiện nay, nhiều kênh thanh toán mới, hiện đại, tiện ích dựa trên nền tảng ứng dụng công nghệ thông tin đã xuất hiện, đi vào cuộc sống, phù hợp với xu thế thanh toán của các nước trong khu vực và trên thế giới như thanh toán qua internet và thanh toán qua điện thoại di động. Đặc biệt, thẻ thanh toán với mạng lưới ATM, POS của các NHTM tại Việt Nam đang được ưa chuộng sử dụng nhiều nhất và có tiềm năng tăng trưởng cao.

Hệ thống chuyển mạch, TTBT và quyết toán thẻ liên ngân hàng do tổ chức chuyển mạch thẻ cung cấp cho các thành viên, cho phép khách hàng có thể rút tiền mặt hoặc thực hiện thanh toán qua ATM, POS tại bất kỳ NH nào là thành viên của tổ chức chuyển mạch thẻ. Hệ thống chuyển mạch, TTBT và quyết toán thẻ liên ngân hàng do hai công ty chuyển mạch thẻ nội địa Banknetvn (Công ty cổ phần chuyển mạch tài chính Quốc gia Việt Nam) và Smartlink (Công ty cổ phần dịch vụ thẻ

Smartlink) xây dựng và kết nối liên thông để cung cấp giao dịch rút tiền mặt và các giao dịch chấp nhận thanh toán thẻ- POS cho các chủ thẻ từ bất kỳ NH thành viên nào thuộc hai liên minh thẻ nêu trên. Hiện nay, hai liên minh thẻ này đã ký kết sáp nhập và lấy tên Banknetvn, sau đổi thành Công ty Cổ phần thanh toán Quốc gia Việt Nam- NAPAS. Loại hình giao dịch của Hệ thống này bao gồm:

- Dịch vụ chuyển mạch nội địa: Dịch vụ này kết nối hệ thống ATM/POS của các NH thành viên với tổ chức chuyển mạch trong nước giúp các chủ thẻ nội địa có thể thực hiện giao dịch trên mạng lưới ATM/POS của các NH thành viên. Trong đó Banknetvn đóng vai trò là Trung tâm chuyển mạch các giao dịch thẻ liên NH.
- Dịch vụ chuyển mạch quốc tế: Hiện nay Banknetvn đã kết nối với một số tổ chức thẻ và chuyển mạch quốc tế như China UnionPay, Union Card- UC (Nga), và các thành viên Mạng thanh toán châu Á (APN).

**Bảng 3. Tỷ trọng thanh toán bằng tiền mặt trong tổng phương tiện thanh toán các năm 2014- 2017**

*Đơn vị tính: %*

Chỉ tiêu	2014	2015	2016	2017
<b>Tỷ trọng thanh toán trong tổng PTTT</b>	<b>100</b>	<b>100</b>	<b>100</b>	<b>100</b>
Thanh toán không dùng tiền mặt	87,93	88,05	88,06	87,94
Thanh toán bằng tiền mặt	12,07	11,95	11,94	12,06

*Nguồn NHNN*

- Dịch vụ chuyển tiền điện tử liên NH: Dịch vụ chuyển tiền điện tử liên ngân hàng dựa trên hệ thống hạ tầng chuyển mạch và kết nối ATM của các NH thành viên. Hệ thống này giúp khách hàng của các NH thành viên chuyển tiền từ tài khoản tại NH này sang tài khoản tại NH khác theo thời gian thực trên các kênh ATM, Internet banking và Mobile banking của thành viên.
- Dịch vụ công thanh toán điện tử: Cho phép trao đổi, xử lý dữ liệu giao dịch điện tử, hỗ trợ việc cấp phép và thực hiện thanh toán trên môi trường Internet. Banknetvn là đơn vị trung gian kết nối giữa NH và đại lý bán hàng trực tuyến. Khách hàng có thể thanh toán tiền hàng hóa trên

môi trường Internet. Tuy nhiên, hầu hết cơ sở hạ tầng thẻ thanh toán tập trung tại các thành phố và đô thị lớn, chưa có sự bao phủ đầy đủ ở các khu vực nông thôn.

**2. Đánh giá hoạt động hệ thống thanh toán qua ngân hàng trong nền kinh tế**

**2.1. Kết quả đạt được**

Các bảng số liệu dưới đây sẽ cho thấy tổng quan quá trình phát triển thanh toán trong nền kinh tế của hệ thống ngân hàng Việt Nam trong 4 năm gần đây của giai đoạn hội nhập sâu rộng kinh tế quốc tế. Có thể nhận thấy, trong 4 năm qua, tỷ trọng tiền mặt trong tổng PTTT thường dao

**Bảng 4. Tổng phương tiện thanh toán và tiền gửi của khách hàng tại các tổ chức tín dụng giai đoạn 2014- 2017**

*Đơn vị tính: Tỷ đồng, %*

Chỉ tiêu	2014		2015		2016		2017	
	Số dư	Số dư	Tăng, giảm	Số dư	Tăng, giảm	Số dư	Tăng, giảm	
<b>Tổng PTTT, trong đó:</b>	<b>5.179.216</b>	<b>6.019.609</b>	<b>16,23</b>	<b>7.125.801</b>	<b>18,38</b>	<b>8.192.548</b>	<b>14,97</b>	
Tiền gửi của các TCKT	1.879.679	2.123.845	12,99	2.508.964	18,13	2.879.053	14,75	
Tiền gửi của dân cư	2.578.277	2.972.238	15,28	3.489.426	17,4	3.961.809	13,54	

*Nguồn NHNN*

động từ 11% đến trên 12%. Tỷ lệ này vẫn còn cao so với các nước phát triển trên thế giới. Điều này cũng cho thấy thói quen sử dụng tiền mặt của người dân chưa có nhiều chuyên biến. Mục tiêu đưa tỷ lệ này xuống còn 10% đến cuối năm 2020 đòi hỏi sự nỗ lực rất nhiều của không chỉ ngành NH mà các bộ ngành liên quan phối hợp thực hiện. Tổng PPTT qua các năm đều tăng so với cuối năm trước (năm 2015 tăng 16,23%, năm 2016 tăng 18,38% và năm 2017 tăng 14,97%), đây là một trong những chỉ tiêu góp phần tăng trưởng kinh tế. Tiền gửi của các TCKT và tiền gửi của dân cư tại các TCTD cũng tăng dần qua các năm theo tổng PTTT. Qua đó cho thấy người dân ngày càng tin tưởng vào hệ thống NH, không lưu trữ tiền mặt nhiều tại nhà. Dịch vụ tài khoản cá nhân của hệ thống NHTM phát triển khá nhanh. Số lượng tài khoản cá nhân và số dư tăng dần qua các năm. Điều này chứng tỏ nhu cầu mở tài khoản cá nhân trong dân cư ngày càng tăng, tạo điều kiện cho việc phát triển TTKDTM. Có được kết quả như trên là do nhiều yếu tố tác động như: môi trường pháp lý trong lĩnh vực thanh toán qua NH có những thay đổi theo hướng phù hợp hơn, mạng lưới điểm giao dịch của các NH được mở rộng, IBPS được triển khai có hiệu quả... Thanh toán bằng séc hiện nay chiếm tỷ trọng rất thấp chưa tới 1%, có xu hướng giảm sút nhanh chóng. Thanh toán bằng ủy nhiệm chi (lệnh

chuyên có), chiếm tỷ trọng lớn nhất cả về số tiền và số lần giao dịch, nhờ tiện lợi và do áp dụng công nghệ trong thanh toán liên NH ngày càng hoàn thiện mà cơ sở của thực hiện lệnh chuyên tiền là ủy nhiệm chi. Thanh toán bằng ủy nhiệm thu (lệnh chuyên nợ) chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng giao dịch TTKDTM qua NH và có xu hướng giảm, do dịch vụ thẻ có nhiều tiện ích, có thể giao dịch 24/24h, dịch vụ NH điện tử, thanh toán điện thoại di động... Thanh toán thẻ: đến cuối năm 2017, số lượng ATM đã được các NH đầu tư, lắp đặt trên toàn quốc lên đến 69.379 máy, tăng 10,1% so với thời điểm cuối năm 2014; mạng lưới POS/EFT POS/EDC cũng được mở rộng lên đến 1.025.620 POS, tăng 66,4% so với thời điểm cuối năm 2014, phục vụ cho nhu cầu thanh toán của trên 132 triệu thẻ thuộc 44 tổ chức phát hành thẻ.

**2.2. Những hạn chế và nguyên nhân**

*Những hạn chế*

- Thanh toán bằng tiền mặt

còn chiếm tỉ trọng lớn vì thói quen, tâm lý sử dụng tiền mặt của một bộ phận cơ quan, tổ chức và đại bộ phận cá nhân còn phổ biến; ngoài ra còn một số yếu tố khác gây cản trở, hạn chế sử dụng TTKDTM như: văn minh thương mại, tâm lý ngại tiếp cận với công nghệ mới, sợ rủi ro trong hoạt động thanh toán, không muốn công khai hóa thu nhập, doanh thu, sử dụng tiền mặt với những mục ích không minh bạch... Thói quen sử dụng tiền mặt trong thanh toán hiện nay là lực cản lớn trong việc phát triển TTKDTM.

- Hệ thống POS chưa phát triển rộng, thanh toán qua POS còn hạn chế, số lượng giao dịch qua POS còn ít, thanh toán qua POS chưa trở thành thói quen trong các giao dịch thanh toán của người dân cũng như của các đơn vị kinh doanh.

- Chất lượng dịch vụ còn hạn chế. Dịch vụ thẻ mới chỉ gia tăng về số lượng mà chưa có sự chuyển biến về chất lượng, chưa làm thay đổi thói quen sử dụng tiền mặt trong xã hội, hầu hết các giao dịch trên hệ

**Bảng 5. So sánh tỷ trọng các phương tiện thanh toán không dùng tiền mặt**

Các phương tiện TTKDTM	Đơn vị tính: %	
	Năm 2014	Năm 2017
Thẻ	9,26	21,41
Séc	0,16	0,06
UNC	61,53	69,69
UNT	0,44	3,83
TT khác	28,64	4,99

*Nguồn NHNN*

thông ATM là rút tiền mặt để chi tiêu, chuyển khoản chủ yếu được thực hiện trong nội bộ từng ngân hàng.

- Chất lượng dịch vụ chưa ổn định. Khi số lượng người sử dụng thẻ tăng lên, đã xuất hiện tình trạng quá tải như nghẽn mạch hệ thống máy ATM và những trục trặc kỹ thuật khác, làm giảm hiệu suất hoạt động và chất lượng dịch vụ của hệ thống ATM và POS, trong khi kinh phí đầu tư cơ sở hạ tầng và kỹ thuật công nghệ rất cao.

- Các phương tiện thanh toán hiện nay chưa được triển khai trên diện rộng để đáp ứng nhu cầu thanh toán trong nền kinh tế. Các phương tiện thanh toán này còn mới mẻ và bỡ ngỡ với phần lớn người dân; tâm lý e dè, ngại tìm hiểu, sợ rủi ro đã ngăn cản việc tiếp cận của người tiêu dùng với các hình thức thanh toán mới. Các thanh toán trong khu vực dân cư phần lớn vẫn sử dụng tiền mặt, ngay cả ở thành thị, nơi có điều kiện thuận lợi cho phát triển các phương tiện TTKDTM, việc sử dụng tiền mặt vẫn còn phổ biến. Còn ở khu vực nông thôn thì điều kiện khó khăn, trở ngại hơn nhiều, do đó đại bộ phận người dân chưa có điều kiện tiếp cận các dịch vụ và tiện ích thanh toán hiện đại.

*Nguyên nhân của những hạn chế*

*Nguyên nhân khách quan*

- Cơ chế, chính sách còn nhiều bất cập: Cơ chế, chính sách chưa theo kịp tốc độ đổi mới công nghệ và yêu cầu hội

nhập, nhất là những vấn đề liên quan đến hoạt động thanh toán của các tổ chức không phải là TCTD tham gia vào hoạt động hỗ trợ dịch vụ thanh toán. Nhà nước còn thiếu cơ chế, chính sách khuyến khích thỏa đáng thúc đẩy thanh toán điện tử, do vậy mặc dù số lượng thẻ thanh toán tăng nhanh, nhưng vẫn chủ yếu là dùng để rút tiền mặt; thanh toán qua POS còn ít, chưa thành thói quen của chủ thẻ cũng như các đơn vị cung cấp hàng hóa, dịch vụ; các đơn vị chấp nhận thẻ còn ưa chuộng thu tiền mặt, khuyến khích khách hàng thanh toán bằng tiền mặt.

- Hành lang pháp lý trong lĩnh vực thanh toán vẫn chưa đầy đủ và đồng bộ, đặc biệt là những vấn đề liên quan đến thanh toán điện tử và thương mại điện tử.

Thời gian qua, mặc dù hành lang pháp lý trong lĩnh vực thanh toán đã cải thiện khá nhiều song vẫn chưa đầy đủ và đồng bộ, đặc biệt là những vấn đề liên quan đến thanh toán điện tử và thương mại điện tử. Hệ thống văn bản pháp lý liên quan đến lĩnh vực thanh toán vẫn còn những điểm cần phải tiếp tục được chỉnh sửa, thay thế để có thể phù hợp với thông lệ quốc tế và nhu cầu của người sử dụng, để cả các loại hình tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán không phải là ngân hàng, các tổ chức cung ứng những sản phẩm, dịch vụ hỗ trợ cho các ngân hàng, các tổ chức làm dịch vụ thanh toán, chẳng hạn như những công ty cung cấp

giải pháp công nghệ qua mạng Internet, các công ty kinh doanh dịch vụ thẻ. Hệ thống pháp lý bảo vệ thông tin cá nhân vẫn còn thiếu những quy định, chế tài cụ thể về bảo vệ đối tượng sử dụng thương mại điện tử. Hiện nay, có những website bán hàng trực tuyến khá uy tín và hoạt động mua bán trên mạng cũng khá phát triển nhưng vẫn chỉ mang tính tự phát, manh mún do chưa có những chế tài để xử lý đối với các hành vi gian lận khi tham gia thương mại điện tử, khi mua bán hàng hóa qua mạng, nên khi xảy ra tranh chấp, gian lận, người mua là người phải chịu thiệt.

Hệ thống văn bản pháp lý liên quan đến lĩnh vực thanh toán vẫn còn những điểm cần phải tiếp tục được chỉnh sửa, thay thế để có thể phù hợp với thông lệ quốc tế và nhu cầu của người sử dụng. Một số văn bản còn thể hiện nhiều bất cập và chưa phù hợp với sự phát triển của nền kinh tế thị trường.

- Do phần lớn khách hàng sử dụng thẻ nội địa là người Việt Nam, vốn quá quen với việc sử dụng tiền mặt và lại luôn có sẵn tiền mặt cũng như dễ dàng tiếp cận với nguồn tiền mặt có tại các ATM. Đây là lý do chính khiến việc phát triển mạng lưới POS cho thẻ nội địa, thu hút khách hàng sử dụng thẻ ghi nợ nội địa để thanh toán hàng hóa, dịch vụ chưa thu được kết quả như mong muốn.

*Nguyên nhân chủ quan*

- Hạ tầng kỹ thuật của hệ thống NHTM chưa đồng bộ:

Cơ sở hạ tầng kỹ thuật phục vụ cho hoạt động TTKDTM qua ngân hàng ở Việt Nam phát triển chưa đồng bộ, mới tập trung ở các thành phố Hà Nội, Đà Nẵng, Nha Trang và thành phố Hồ Chí Minh, chậm trang bị đến các vùng nông thôn, đặc biệt là vùng miền núi, hải đảo. Chất lượng hoạt động của hệ thống cơ sở hạ tầng chung phục vụ thanh toán chưa đảm bảo, chưa đáp ứng được nhu cầu gia tăng về hoạt động TTKDTM trong nền kinh tế. Cơ sở hạ tầng còn hạn chế, còn tiềm ẩn nguy cơ về an ninh, bảo mật, chưa theo kịp tốc độ phát triển của người dùng. Cơ sở vật chất phục vụ cho hoạt động thanh toán của các ngân hàng phát triển chưa đồng bộ; việc kết nối giữa các ngân hàng gặp trở ngại; mức độ ứng dụng công nghệ thông tin của các ngân hàng còn ở mức thấp.

Hệ thống IBPS mới chỉ phục vụ thanh toán đồng nội tệ, chưa đáp ứng được nhu cầu thanh toán ngoại tệ của các NHTM. Các NHTM tự thanh toán ngoại tệ trực tiếp với nhau và chủ yếu thông qua trung gian là Vietcombank, do đó tốc độ thanh toán chậm, chi phí cao, các NHTM bị phân tán vốn ngoại tệ.

Hệ thống Core Banking của NHTM còn nhiều khoảng cách, khả năng kết nối liên minh giữa các ngân hàng gặp khó khăn. Thanh toán song phương chi phí còn cao, bị lệ thuộc vào ngân hàng đối tác, chưa đảm bảo lợi ích công bằng giữa ngân hàng nhỏ với ngân hàng lớn.

- Hệ thống IBPS mới chỉ phục vụ thanh toán đồng nội tệ, chưa đáp ứng được nhu cầu thanh toán ngoại tệ của các NHTM. Các NHTM tự thanh toán ngoại tệ trực tiếp với nhau và chủ yếu thông qua trung gian là Vietcombank, do đó tốc độ thanh toán chậm, chi phí cao, các NHTM bị phân tán vốn ngoại tệ.

- Hệ thống cơ sở hạ tầng chung chưa đáp ứng được yêu cầu, chất lượng hoạt động chưa đảm bảo; hệ thống đường truyền thỉnh thoảng bị nghẽn, gây ách tắc cho các giao dịch thanh toán.

- Hệ thống Core Banking của NHTM còn nhiều khoảng cách, khả năng kết nối liên minh giữa các ngân hàng gặp khó khăn. Thanh toán song phương chi phí còn cao, bị lệ thuộc vào ngân hàng đối tác, chưa đảm bảo lợi ích công bằng giữa ngân hàng nhỏ với ngân hàng lớn.

- Vốn đầu tư cho hoạt động thanh toán còn thiếu, hiệu quả sử dụng chưa cao; xuất phát điểm của mỗi đơn vị khác nhau, khả năng đầu tư vốn, công nghệ khác nhau, chỉ có các NHTM lớn có tiềm lực về tài chính mới có khả năng đầu tư các trang thiết bị phục vụ cho hoạt động thanh toán, mở rộng các phương tiện thanh toán mới. Vốn đầu tư vào hoạt động thanh toán kém hiệu quả. Vốn đầu tư đòi hỏi phải rất lớn, thời gian thu hồi vốn dài hạn mà hiệu quả đầu tư lại thấp. Chi phí đầu tư của ATM của các ngân hàng khá lớn (bao gồm chi phí mua máy, lắp đặt, bảo trì, chăm sóc, vận

hành, lắp đặt camera...) trong khi các ngân hàng không có nguồn thu đối với khoản đầu tư vào hệ thống ATM. Hơn nữa số tiền duy trì trong tài khoản của khách hàng chỉ tương ứng với số tiền các ngân hàng phải nạp sẵn vào máy ATM cũng như để dự trữ cho việc tiếp quỹ ATM, do đó ngân hàng không được hưởng lợi nhiều từ các khoản tiền này. Trong khi đó, các ngân hàng vẫn chưa được thu phí giao dịch ATM nội mạng để bù đắp một phần chi phí đầu tư cho hệ thống ATM. Riêng chi phí ban đầu một máy ATM đã lên tới 20.000 USD. Hiện nay nhiều ngân hàng đang phải bù lỗ cho dịch vụ ATM với số tiền bù lỗ khoảng 10-30 tỷ đồng/năm. Trong tình hình huy động khó khăn như hiện nay thì các ngân hàng, đặc biệt là các ngân hàng có mạng ATM lớn, còn phải chịu áp lực rất lớn trong việc đảm bảo tiền mặt đầy đủ, kịp thời phục vụ cho các giao dịch của khách hàng tại các máy ATM. Khó khăn ngày càng gia tăng hơn vào các dịp nghỉ lễ, Tết khi nhu cầu rút tiền mặt tăng đột biến. Không những thế, thời gian qua, các ngân hàng chạy đua hạ mức phí chiết khấu cho các đơn vị chấp nhận thẻ nhưng vẫn không gia tăng được số lượng khách hàng như kỳ vọng đã khiến cho việc phát triển mạng lưới POS không có hiệu quả, các ngân hàng không có nguồn thu bù đắp chi phí đầu tư mua sắm thiết bị, chi phí cho nhân sự đi phát triển đơn vị chấp nhận thẻ.

- Công tác thông tin tuyên truyền, quảng bá, phổ biến, hướng dẫn cho người sử dụng tuy đã được triển khai nhưng vẫn chưa đầy đủ và kịp thời; sự hiểu biết của người dân về các dịch vụ thanh toán điện tử còn hạn chế, nhất là khu vực nông thôn.

- Thiếu động cơ kinh tế đủ mạnh để khuyến khích TTKDTM: đối với nhiều đối tượng giao dịch, các dịch vụ TTKDTM không chứng tỏ có lợi ích hơn hẳn về kinh tế so với thanh toán bằng tiền mặt. Các đơn vị kinh doanh không muốn chấp nhận thẻ do phải trả phí cho ngân hàng, đồng thời phải công khai doanh thu nên không thể trốn thuế, ngoài ra, do nhận thức của họ về lợi ích của việc TTKDTM còn hạn chế. Cũng vì thế, ngay cả với một số ĐVCNT dù đã ký hợp đồng chấp nhận thẻ với ngân hàng nhưng vẫn tìm nhiều cách để hạn chế giao dịch bằng thẻ của khách hàng như để máy cà thẻ vào nơi khuất, gợi ý và ưu tiên cho khách hàng thanh toán bằng tiền mặt hay thu thêm phụ phí đối với các khách hàng thanh toán bằng thẻ.

### 3. Kết luận và khuyến nghị giải pháp

#### 3.1. Đối với Chính phủ và các Bộ Ngành có liên quan

*Một là, hoàn thiện hành lang pháp lý và cơ chế chính sách phù hợp với tình hình TTKDTM qua ngân hàng. Chính phủ xem xét chỉ đạo các bộ ngành có liên quan rà*

*soát, sửa đổi, bổ sung một số điều khoản liên quan đến TTKDTM tại các văn bản Luật hiện hành, như: Luật NHNN Việt Nam, Luật các TCTD, Luật phòng chống rửa tiền; hoặc nghiên cứu xây dựng một luật riêng về hệ thống thanh toán qua đó đảm bảo tính bao quát, thống nhất và quản lý toàn diện các hệ thống thanh toán trong nền kinh tế phù hợp với thực tế Việt Nam dựa trên chuẩn mực, thông lệ quốc tế. Ban hành các văn bản pháp lý để quản lý, vận hành, hạn chế rủi ro, giám sát có hiệu quả đối với các loại hình, phương tiện hoạt động thanh toán mới. Rà soát sửa đổi, bổ sung các quy định về việc sử dụng các phương tiện TTKDTM để giải ngân vốn vay của TCTD. Xây dựng và ban hành một số cơ chế, chính sách phù hợp, khuyến khích thanh toán điện tử.*

*Hai là, đầu tư cơ sở hạ tầng, phát triển các hệ thống TTKDTM qua ngân hàng. Chính phủ xem xét chỉ đạo các bộ ngành có liên quan tăng cường đầu tư hiện đại hóa và đẩy mạnh ứng dụng công nghệ trong công tác thanh toán theo hướng tự động hóa và tăng tốc độ xử lý giao dịch, bảo đảm dễ dàng kết nối, giao diện với các hệ thống ứng dụng khác. Tập trung nguồn lực đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng cho mạng lưới chấp nhận thẻ; tăng cường lắp đặt và sử dụng POS tại các trung tâm thương mại, nhà hàng, khách sạn, khu vui chơi giải trí, du lịch,...*

*Ba là, đẩy mạnh công tác*

*thông tin, tuyên truyền, đào tạo, hướng dẫn và bảo vệ người tiêu dùng trong thanh toán không dùng tiền mặt. Chính phủ cần có sự chỉ đạo mạnh mẽ hơn và có chế tài cụ thể hơn đối với các đơn vị cung ứng dịch vụ công, các doanh nghiệp, các chủ dự án đường cao tốc, các cá nhân mở cửa hàng kinh doanh,... chậm triển khai hay né tránh TTKDTM, thu phí thanh toán thẻ,...*

#### 3.2. Đối với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

*Thứ nhất, tiếp tục nâng cấp, mở rộng hệ thống IBPS đáp ứng nhu cầu của nền kinh tế và yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế.*

*Thứ hai, tiếp tục đổi mới hệ thống bù trừ và quyết toán chứng khoán: chuyển chức năng quyết toán giao dịch trái phiếu chính phủ từ NHTM sang NHNN.*

*Thứ ba, tiếp tục xây dựng, phát triển các hệ thống và dịch vụ thanh toán bán lẻ theo phạm vi quyền hạn và chức năng của NHNN.*

*Thứ tư, tiếp tục đổi mới hệ thống thanh quyết toán trên thị trường tiền tệ và ngoại tệ liên ngân hàng: nghiên cứu, đánh giá nghiệp vụ, quy trình quyết toán của thị trường tiền tệ liên ngân hàng hiện nay để có cơ chế, biện pháp nâng cao hiệu quả quyết toán, tăng cường hiệu quả của thị trường.*

*Thứ năm, tiếp tục tăng cường quản lý, giám sát hoạt động thanh toán và chuyển tiền quốc tế: Nghiên cứu, đánh giá*

cơ chế quản lý dịch vụ chuyên tiền quốc tế tại Việt Nam hiện nay, trong đó bao gồm việc rà soát và xây dựng cơ chế bảo vệ người tiêu dùng và giải quyết tranh chấp đảm bảo tính rõ ràng và thống nhất; Nghiên cứu giải pháp thiết lập cơ sở hạ tầng thanh toán hiệu quả cho dịch vụ chuyên tiền kiều hối;

*Thứ sáu*, tiếp tục tăng cường giám sát và áp dụng các tiêu chuẩn cho các hệ thống thanh toán theo các tiêu chí và chuẩn mực quốc tế.

*Thứ bảy*, tiếp tục tăng cường phối hợp giữa các bộ, ngành, địa phương trong việc thúc đẩy TTKDTM: Ban hành, triển khai thực hiện có hiệu quả các thỏa thuận, biện pháp hợp tác, phối hợp song phương hoặc đa phương giữa các bộ, ngành liên quan để đẩy mạnh phát triển thanh toán điện tử, nhất là trong việc thu, nộp ngân sách Nhà nước, xây dựng và ban hành các đề án, chính sách, chương trình thúc đẩy phát triển thanh toán

điện tử tại các doanh nghiệp, đơn vị bán lẻ hàng hóa và dịch vụ.

*Thứ tám*, tiếp tục triển khai các hoạt động hội nhập trong lĩnh vực thanh toán.

Tiếp tục thiết lập và củng cố các cơ chế đối ngoại song phương về lĩnh vực thanh toán. Tăng cường hợp tác quốc tế, phối hợp ban hành các thỏa thuận hợp tác song phương hoặc đa phương giữa Việt Nam với các quốc gia liên quan để tăng cường phát triển, quản lý, giám sát hoạt động thanh toán nội địa và xuyên biên giới.

### **3.3. Đối với các ngân hàng thương mại và tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán**

Phát triển TTKDTM không chỉ là vấn đề nhiệm vụ chính trị của các ngân hàng mà còn giúp nâng cao năng lực cạnh tranh, bán chéo sản phẩm dịch vụ, đa dạng hóa nguồn thu, giảm thiểu rủi ro từ hoạt động tín dụng, tối đa hóa lợi nhuận

của các NHTM và tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán. Vì vậy các NHTM và tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán cần đẩy mạnh đầu tư nguồn lực tài chính cho hiện đại hóa hệ thống thanh toán, gắn liền với nâng cao chất lượng thanh toán, tăng tính bảo mật, đảm bảo an toàn cho khách hàng; tăng cường đầu tư nguồn nhân lực thông qua công tác tuyển dụng, chính sách thu nhập, đào tạo. Bên cạnh đó cũng cần áp dụng các mức phí ưu đãi đối với các doanh nghiệp, các tổ chức và cửa hàng sử dụng hình thức TTKDTM nhằm tạo ra sự chênh lệch lợi ích so với sử dụng tiền mặt. Bên cạnh đó, cần tổ chức tuyên truyền rộng rãi lợi ích của TTKDTM, nhằm thay đổi thói quen sử dụng tiền mặt của người dân, mới thay đổi được tư duy “rút tiền mặt từ ATM để thanh toán tiền hàng” và từng bước xây dựng văn hoá TTKDTM trong xã hội. ■

### **Tài liệu tham khảo**

1. Chính phủ (2007), *Chỉ thị số 20/2007/CT-TTg ngày 24/8/2007 của Thủ Tướng Chính Phủ ban hành “Về việc trả lương qua tài khoản cho các đối tượng hưởng lương từ NSNN”*.
2. Chính Phủ (2016), *“Quyết định số 2545/QĐ-TTg, ngày 30/12/2016 Phê duyệt Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt tại Việt Nam giai đoạn 2016-2020”*.
3. Đặng Công Hoàn (2015), *“Phát triển dịch vụ TTKDTM cho khu vực dân cư tại Việt Nam”*, luận án tiến sĩ, Đại học Kinh tế - Đại học Quốc gia Hà Nội.
4. Phạm Thu Hương (2012), *“Phát triển dịch vụ ngân hàng điện tử tại Việt Nam trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế”*, luận án tiến sĩ kinh tế, Đại học Ngoại thương.
5. Nguyễn Thị Thanh Tâm (2018), *“Đánh giá chất lượng dịch vụ ngân hàng điện tử tại các NHTM”*, Tạp chí tài chính, truy cập tại website: <http://tapchitaichinh.vn/kinh-te-vi-mo/danh-gia-chat-luong-dich-vu-ngan-hang-dien-tu-tai-cac-chi-nhanh-ngan-hang-thuong-mai-137966.html>
5. Websites: <https://www.sbv.gov.vn>, <https://www.vietinbank.com.vn>, <https://www.vnba.org.vn>, <https://www.cafef.com.vn>

### **Thông tin tác giả**

**Lê Văn Hải**, Tiến sĩ  
Đại học Ngân hàng TP.HCM  
Email: lehaigv@yahoo.com

## Summary

### Development of banking payment system in Vietnam- Current situation and solutions

The system of payment through banks has a long history of development, with the role of management, development and pioneer of the State Bank of Vietnam. In recent years, from the units of the State Bank of Vietnam (SBV) to commercial banks and related organizations, has been implementing synchronized non-cash payment solutions. This is also considered the political task of the entire banking sector, the implementation of decisions of the Prime Minister, decisions of the Governor of the State Bank, improve the competitiveness of credit institutions (CIs) in the trend of further international economic integration, join CPTPP. The paper uses qualitative methods, calculations, analyzes and assessments based on reports of the SBV, some commercial banks, Refer to some related studies for recommendations.

The paper focuses on analyzing, assessing, clarifying the status of the formation, development and operation of banking payment systems in Vietnam over the past few years, this has included the participation of non-cash payment service providers through banks. the performance status of banking payment systems; Results of payment activity in the economy in 2014- 2017. The paper recommends 3 groups of solutions: For the Government and relevant Ministries; the State Bank and for commercial banks and payment service providers to continue to develop non-cash payment in the coming time.

Key words: system development, bank payment, status and solutions.

**Hai Van Le, PhD.**

University of Banking Hochiminh City (UBH)

*tiếp theo trang 7*

tháng. Kết quả này phù hợp với các nghiên cứu trước đó về mối quan hệ giữa lạm phát và TTCK. Thêm vào đó, từ kết quả cho thấy khoảng thời gian ảnh hưởng của chỉ số CPI lên biến động của VN-Index có độ trễ khá dài, đây là điểm mới mà nghiên cứu tìm ra bởi các tác giả trước đây khi nghiên cứu mối quan hệ này ở Việt Nam chỉ đưa ra được độ lớn của mức độ tác động trong dài hạn mà chưa chỉ rõ khoảng thời gian tác động của hai biến số này. Tuy nhiên, ở chiều ngược lại, sự biến động của chỉ số VN-Index không có sự ảnh hưởng tới sự thay đổi của chỉ số CPI hàng tháng. Mối quan hệ này phù hợp với thực tế bởi CPI được tính toán dựa trên giỏ hàng hóa đại diện cho toàn bộ hàng tiêu dùng nhưng trong đó không có chỉ số VN-Index. Đối với sự thay đổi của CPI sẽ phản ánh mức biến động về lạm phát của nền

kinh tế.

Mỗi sự tăng lên của chỉ số CPI đã được chứng minh có quan hệ ngược chiều với sự biến động của TTCK. Điều này dễ dàng nhận thấy bởi sự tăng lên của lạm phát sẽ dẫn tới tăng sinh lời kỳ vọng của nhà đầu tư vào TTCK khiến giá chứng khoán giảm. Với độ trễ tương ứng là 6 tháng, đồng nghĩa với việc sự thay đổi của CPI sẽ diễn ra trước 6 tháng sau đó mới được phản ánh vào sự biến động của chỉ số chứng khoán ở tháng hiện tại. Mối quan hệ này cho thấy lạm phát không phải là yếu tố tác động trực tiếp và quan trọng tới sự thay đổi của chỉ số chứng khoán chung. Mức độ trễ 6 tháng tương ứng với 2 quý trong năm cho thấy sự quan tâm của các nhà đầu tư tới chỉ số CPI trong thời gian trung và dài hạn hơn là ngắn hạn. ■